

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững  
giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Nghị quyết của Chính phủ: Số 75/NQ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2021 về Phiên họp thường kỳ tháng 6 năm 2021; số 107/NQ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2021 về Phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Chiến lược), với những nội dung chủ yếu sau:

**I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN**

1. Xác định nông nghiệp, nông dân, nông thôn đóng vai trò chiến lược trong phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Nông nghiệp là lợi thế quốc gia; Nông nghiệp vững mạnh là trụ đỡ của nền kinh tế, cơ sở để ổn định xã hội trong những giai đoạn khó khăn, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Khu vực nông thôn không chỉ đóng góp quan trọng về kinh tế cho đất nước mà còn là không gian sống của tỷ lệ lớn dân cư, nền tảng văn hóa, xã hội, an ninh của đất nước. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, phát triển nông nghiệp là then chốt, xây dựng nông thôn mới là căn bản, nông dân là trung tâm và giữ vai trò chủ thể.

2. Phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, bền vững trên cả 3 khía cạnh kinh tế - xã hội - môi trường; dựa trên động lực là khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Khai thác, phát huy lợi thế vùng, miền, lĩnh vực để giải phóng, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; lấy nguồn lực bên trong (tài nguyên đất, nước, không khí, con người, truyền thống lịch sử, văn hóa) là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá. Chuyển đổi mạnh mẽ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, tập trung nâng cao hiệu quả và giá trị gia tăng cho nông sản thông qua ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, phát triển nông nghiệp thông minh, chuyển

đổi số trong nông nghiệp, tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội vào sản phẩm. Khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, thân thiện với môi trường. Chú trọng phát triển nông nghiệp ở các vùng miền núi hỗ trợ giảm nghèo bền vững. Hỗ trợ phát triển kinh tế hộ sản xuất hàng hóa, quy mô ngày càng lớn hơn; phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác. Thúc đẩy sản xuất theo chuỗi giá trị đảm bảo các nguyên tắc bền vững, trách nhiệm và minh bạch.

**3.** Xây dựng nông thôn hiện đại là nơi đáng sống với môi trường xanh, sạch, đẹp, có hệ thống hạ tầng hiện đại và khả năng cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục, thông tin tiệm cận với khu vực đô thị nhưng vẫn giữ hồn cốt văn hóa của nông thôn với những giá trị truyền thống tốt đẹp. Phát huy lợi thế địa phương, duy trì tính đa dạng vùng miền, khai thác tiềm năng các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, làng nghề, du lịch nông thôn. Kinh tế nông thôn phát triển đa dạng góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân và giảm di cư lao động vào thành phố. Chuyển đổi định hướng phát triển theo địa giới hành chính sang hình thành không gian phát triển liên địa phương, liên vùng, liên kết chặt chẽ giữa nông thôn và thành thị. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu cấp thôn ấp, hộ gia đình gắn với xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ môi trường.

**4.** Người dân nông thôn là lực lượng quan trọng đóng góp vào quá trình phát triển kinh tế, quản lý tài nguyên, cơ sở hạ tầng, xây dựng phát triển khu vực nông thôn đảm bảo an ninh trật tự, xanh sạch đáng sống. Các định hướng phát triển tập trung vào phấn đấu nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân nông thôn, đảm bảo bình đẳng trong tiếp cận các cơ hội phát triển. Xây dựng nếp sống mới, tinh thần đoàn kết, tự chủ, sáng tạo cho người dân nông thôn. Hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, lực lượng lao động nông thôn có kiến thức phục vụ nhu cầu phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Kết hợp, giải quyết hài hòa mối quan hệ nhà nước, thị trường, cộng đồng; trong đó cộng đồng là nòng cốt gắn kết kinh tế hộ trong hợp tác xã nông nghiệp, gắn kết người dân trong phát triển nông thôn, góp phần quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên, tài sản quốc gia, làng xã.

**5.** Phát triển nông nghiệp, nông thôn là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị với vai trò nòng cốt lãnh đạo của các tổ chức đảng, quản lý của nhà nước. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Tăng cường huy động nguồn lực cho đầu tư, phát triển nông nghiệp, nông thôn thông qua hợp tác công tư, trên cơ sở bảo đảm cân bằng, hài hòa lợi ích và chia sẻ rủi ro giữa nhà nước, người dân và doanh nghiệp; tạo điều kiện, hỗ trợ các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Tập trung nguồn lực cho ba đột phá chiến lược, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp, phục hồi tốc độ tăng trưởng của ngành thông qua nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng giá trị, mở rộng thị

trường. Xây dựng nền nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ mới với năng suất chất lượng cao, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa. Nâng cao thu nhập và đời sống dân cư, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, thực phẩm trong tình hình mới, giảm nghèo bền vững, nâng cao vị thế của người dân nông thôn, củng cố và phát triển cộng đồng. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nông thôn xanh sạch, đẹp, đảm bảo an ninh với hệ thống cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ tiệm cận với khu vực đô thị. Hướng tới xây dựng nền ***nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh***.

## **2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030**

- Tốc độ tăng trưởng GDP nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 2,5-3%/năm, tốc độ tăng năng suất lao động nông lâm thủy sản đạt bình quân từ 5,5-6%/năm giai đoạn 2021-2030.

- Thúc đẩy quá trình chuyển đổi nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn thu hút lao động trong khu vực nông nghiệp. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%, tỷ lệ lao động nông nghiệp qua đào tạo đạt trên 70%.

- Mở rộng và phát triển thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt bình quân khoảng 5-6%/năm giai đoạn 2021-2030, kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt trên 60 tỷ đô la Mỹ vào năm 2030.

- Nâng cao thu nhập người dân, giảm nghèo bền vững. Thu nhập của cư dân nông thôn cao hơn 3 lần năm 2020. Tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn giảm bình quân 1-1,5%/năm.

- Phấn đấu đến 2030, cả nước có ít nhất 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có trên 70% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 35% số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Phát triển nền nông nghiệp xanh, thân thiện với môi trường, xử lý tốt ô nhiễm môi trường nông thôn, đóng góp hiệu quả vào việc thực hiện cam kết giảm phát thải khí nhà kính do quốc gia tự quyết định, ứng phó tốt với biến đổi khí hậu. Giảm phát thải khí nhà kính 10% so với năm 2020. Nâng cao chất lượng rừng; tỷ lệ che phủ rừng ổn định 42-43%, diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững đạt trên 1 triệu ha vào năm 2030. Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đạt 3-5% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia.

## **3. Tầm nhìn đến năm 2050**

Phấn đấu Việt Nam trở thành một trong 10 nước có nền nông nghiệp phát triển nhất thế giới. Xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, xanh, ứng dụng công nghệ cao; nông thôn văn minh, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối chặt chẽ, hài hòa với quá trình đô thị hóa và thích ứng với biến đổi khí

hậu; đời sống cư dân nông thôn được nâng cao, thu nhập cư dân nông thôn từng bước tiệm cận với đô thị, cơ bản không còn hộ nghèo.

### III. ĐỊNH HƯỚNG, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

#### 1. Phát triển nông nghiệp

a) Đổi mới tư duy về quản lý, quản trị nông nghiệp dựa trên các quy luật của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức và hành động xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, hiện đại.

Chuyển đổi mạnh mẽ từ nhận thức tới hành động về phát triển nền nông nghiệp bền vững theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái thông qua việc áp dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không gây ảnh hưởng tới môi trường sức khỏe con người; chú trọng đến sự tương tác giữa các yếu tố môi trường, xã hội và kinh tế của các hệ thống nông nghiệp.

Chuyển đổi tư duy của nông dân về phát triển kinh tế nông nghiệp, tập trung nâng cao giá trị, chất lượng, hiệu quả sản xuất; chuyển từ phát triển đơn ngành sang tích hợp đa ngành, từ “*đơn giá trị*” sang “*tích hợp đa giá trị*” để khai thác hiệu quả các nguồn lực và tạo ra giá trị gia tăng tối ưu trên một đơn vị diện tích canh tác.

Tôn trọng và vận dụng các quy luật kinh tế khách quan để khơi thông, thu hút các nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp nông thôn, định hướng sự hỗ trợ của nhà nước sang vừa hỗ trợ đầu vào, vừa chú trọng hỗ trợ, kết nối đầu ra, quan tâm phát triển thị trường xuất khẩu đi đôi với chú trọng thị trường nội địa., giảm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền nông nghiệp sinh thái, xanh, sạch, có trách nhiệm.

Đẩy mạnh tư duy gắn kết chặt chẽ giữa nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ thông qua phát triển các “*Cụm liên kết ngành hàng nông sản*”, “*Cụm liên kết đa ngành, liên ngành*”, phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, phát triển hạ tầng nông nghiệp phục vụ đa mục tiêu. Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp nhằm thay đổi nhận thức và tư duy, tập trung phổ biến những cách làm hay, mô hình tốt trong phát triển nông nghiệp.

b) Thu hút, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững, hội nhập quốc tế

- Khai thác và tận dụng tối đa lợi thế nền nông nghiệp nhiệt đới để phát triển nông nghiệp hàng hoá đa dạng về chủng loại sản phẩm, đặc sản vùng miền; tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng hiện đại, tập trung, quy mô lớn, thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển thị trường, thúc đẩy tiêu thụ kịp thời các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, có lợi thế, tiềm năng.

- Điều chỉnh hài hòa, cân đối hợp lý các nguồn lực quan trọng cho phát triển nông nghiệp: *Tài nguyên đất*, căn cứ theo lợi thế, nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu để chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang

đất trồng cây hàng năm khác (rau đậu, ngô...), cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn; giảm diện tích cây lâu năm, tăng diện tích lâm nghiệp. *Tài nguyên nước*, được sử dụng tiết kiệm và phát triển thủy lợi đa chức năng, đa mục tiêu. *Cân đối lao động*, dựa trên chuyên môn hóa lao động nông nghiệp, tăng quy mô, hiệu quả sản xuất, phát triển công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp và ngành nghề nông thôn.

- Huy động các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp toàn hoàn, hữu cơ, sinh thái. Hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ tín dụng cho hộ nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi cung giá trị, ứng dụng công nghệ cao. Phát triển thị trường tài chính, bảo hiểm, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân đảm bảo an toàn, hiệu quả. Phát triển cơ chế hợp tác công tư trong đầu tư, quản lý, vận hành, khai thác hạ tầng phục vụ nông nghiệp giúp tối ưu hoá nguồn lực, hỗ trợ lẫn nhau, nâng cao năng lực thích ứng linh hoạt trong các điều kiện.

c) Tổ chức thực hiện tốt các khâu quan trọng, đột phá để cơ cấu lại nông nghiệp hiệu quả, hiện đại và bền vững, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh

- Tiếp tục cơ cấu lại nông nghiệp theo 3 nhóm sản phẩm chủ lực và cơ cấu lại sản xuất theo lĩnh vực, vùng kinh tế - xã hội, vùng sinh thái nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, địa phương; phát triển các vùng chuyên canh hàng hóa chất lượng cao, quy mô lớn đạt tiêu chuẩn phổ biến về chất lượng, an toàn thực phẩm; kết nối nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường, xuất khẩu, với chuỗi giá trị toàn cầu; tổ chức sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị và thúc đẩy hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong từng vùng và giữa các vùng.

+ Nhóm sản phẩm chủ lực:

Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức hợp tác, liên kết theo chuỗi giá trị và ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến; *Đối với nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh*, các địa phương căn cứ lợi thế và điều kiện cụ thể, lựa chọn nhóm sản phẩm này để đầu tư phát triển; *Đối với nhóm sản phẩm chủ lực địa phương* có quy mô nhỏ, tập trung vào các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy bản sắc, lợi thế của các địa phương, gắn với xây dựng nông thôn mới theo mô hình “*Mỗi xã một sản phẩm*” (OCOP).

+ Các lĩnh vực:

Trồng trọt: Tập trung phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh và có nhu cầu lớn, ổn định phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu (cà phê, hồ tiêu, điều, cao su, rau, hoa, quả nhiệt đới, lúa gạo,..). Phát triển các cây trồng mới có triển vọng như dược liệu, hoa cây cảnh,... Tận dụng điều kiện để phát triển cây trồng lợi thế thấp, chấp nhận nhập khẩu hợp lý để phục vụ chế biến và tiêu dùng trong nước (bông, thuốc lá, rau hoa quả ôn đới, đậu tương). Đa dạng hóa cây trồng, áp dụng kỹ thuật tiên bộ, công nghệ cao để nâng cao hiệu quả, tăng thu

nhập cho nông dân và phát triển bền vững hơn. Hình thành các vùng chuyên canh đồng bộ về cơ sở hạ tầng, dịch vụ; đảm bảo làm chủ, cung cấp đầu vào chính và chuỗi logistics, phát triển công nghiệp chế biến.

**Chăn nuôi:** Phát triển các ngành hàng có thị trường và có tiềm năng như thịt gia cầm, trứng, sữa; duy trì chăn nuôi lợn và gia súc lớn; phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao đảm bảo bền vững môi trường, an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và an toàn thực phẩm. Phát triển chăn nuôi công nghiệp áp dụng công nghệ cao, khuyến khích chăn nuôi hữu cơ, chăn nuôi truyền thống có cải tiến theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Chăn nuôi tập trung ở các vùng xa thành phố và mật độ dân số thấp, đảm bảo xử lý môi trường và phòng tránh dịch bệnh.

**Thủy sản:** Phát triển thủy sản thành ngành sản xuất chiến lược đảm bảo nhu cầu trong nước và phục vụ xuất khẩu. Hiện đại hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng và hiệu quả nuôi trồng thủy sản, tập trung phát triển các sản phẩm chiến lược như tôm, cá tra. Phát triển ngành nuôi tôm theo hai hướng nuôi công nghiệp hiện đại và nuôi hữu cơ, thân thiện với môi trường. Nuôi cá nước ngọt theo hướng phối hợp quy mô sản xuất lớn, tập trung công nghiệp với quy mô nhỏ, hộ gia đình, phối hợp nuôi lồng bè, ao hồ tập trung và luân canh/xen canh với cây trồng, sản xuất năng lượng,... Đây mạnh nuôi trồng thủy sản trên biển gắn với phát triển kinh tế biển, quốc phòng và đảm bảo cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường. Hoàn chỉnh thủy lợi phục vụ thủy sản. Bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

**Lâm nghiệp:** Phát triển hài hòa về kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường. Tập trung bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, trước hết là rừng đặc dụng và phòng hộ đáp ứng mục tiêu môi trường và kết hợp du lịch, nghiên cứu. Phát triển rừng phòng hộ trên địa bàn xung yếu; nâng cao hiệu quả rừng sản xuất, đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và tiểu thủ công nghiệp thành vùng nguyên liệu tập trung có quy mô vừa và lớn, đạt tiêu chuẩn vững bền. Đây mạnh dịch vụ môi trường rừng để cải thiện sinh kế cho cộng đồng các dân tộc miền núi, đồng thời giúp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

- Xây dựng các vùng sản xuất chuyên canh (lúa, rau hoa, cây ăn quả, cây công nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, rừng sản xuất...) an toàn dịch bệnh, đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật đạt chứng nhận sản xuất bền vững (VietGAP, GlobalGAP...). Tập trung số hóa vùng trồng, vùng nuôi. Xây dựng và hỗ trợ đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho các khu nông nghiệp công nghiệp cao tại các địa phương; đầu tư khu, cụm công nghiệp và dịch vụ phục vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp (kho tàng, bến bãi, nhà máy chế biến, trạm trại giống...). Xây dựng hệ thống giám sát, cảnh báo, an toàn sản xuất. Kết nối giao thông và logistic giữa các vùng này với thị trường hoặc cửa khẩu chính.

- Phát triển nông nghiệp bền vững với trọng tâm là nông nghiệp sinh thái theo cách tiếp cận tổng hợp, áp dụng đồng thời các nguyên tắc đảm bảo lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường nhằm tối ưu hóa quan hệ giữa cây trồng - vật nuôi - con người - môi trường, có tính tới các yếu tố xã hội hướng tới hệ thống

lượng thực bền vững, minh bạch, trách nhiệm. Phát triển nông nghiệp sinh thái đa dạng trên cơ sở kết hợp khoa học hiện đại với kiến thức truyền thống bản địa, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên, khả năng chống chịu thích ứng với biến đổi khí hậu, thực hiện các mô hình kinh tế tuần hoàn, phát huy các giá trị văn hóa bản địa nâng cao giá trị nông sản nâng cao thu nhập cho người dân, xây dựng quan hệ cộng đồng, đảm bảo công bằng xã hội ở nông thôn.

- Tăng cường ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ số; chuyển từ nền nông nghiệp với sản lượng cao sang nền nông nghiệp hiệu quả, giá trị cao. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật phù hợp với cơ chế thị trường.

- Phát triển công nghiệp chế biến, tăng tỷ trọng chế biến sâu để giảm chi phí và nâng cao giá trị nông sản. Nâng cao năng lực chế biến, bảo quản; xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về trình độ công nghệ chế biến, bảo quản nông sản. Mở rộng các vùng nguyên liệu tập trung bảo đảm đủ nguyên liệu cho cơ sở chế biến, có tính đến tác động của biến đổi khí hậu và thị hiếu thị trường tiêu dùng. Thu hút doanh nghiệp “đầu tàu” có đủ năng lực về vốn, khoa học công nghệ và thị trường để dẫn dắt chuỗi giá trị, vận hành thông suốt, hiệu quả để phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ tại các địa phương, vùng có sản lượng nông sản lớn, thuận lợi giao thông, lao động, logistics, có tiềm năng trở thành động lực tăng trưởng cho các vùng, khu vực, địa phương.

- Tổ chức tốt các khâu trong quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến đáp ứng nhu cầu thị trường thế giới và thị trường trong nước. Bảo đảm tuân thủ các quy định ngày càng khắt khe cả về kinh tế, xã hội và môi trường của thị trường thế giới; có chính sách bảo hiểm thích hợp để xử lý các rủi ro, biến động và thất bại của thị trường.

d) Phát triển hệ thống đầu vào để tối thiểu hóa chi phí, tối đa hóa giá trị, lợi nhuận phục vụ cho sản xuất nông nghiệp hiệu quả, bền vững

- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chọn tạo, chuyển giao và ứng dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao và khả năng chống chịu cao; bảo tồn và phát triển giống bản địa. Nghiên cứu, chọn tạo, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng phục vụ sản xuất đại trà. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất giống theo hướng công nghiệp hiện đại; đẩy mạnh sự tham gia của các tổ chức, cá nhân cung ứng giống có chất lượng, sạch bệnh cho sản xuất. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, nhập nội những giống có tính trạng tốt, phù hợp điều kiện Việt Nam; tăng cường công tác quản lý giống nhằm tăng nhanh tỷ lệ sử dụng giống đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật cho sản xuất.

- Chú trọng công tác quản lý vật tư nông nghiệp, thay đổi phương thức sử dụng vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp an toàn, chất lượng, chuyên nghiệp, có trách nhiệm, trong đó tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ, thuốc bảo vệ thực vật sinh học,.. Xây dựng các chương trình quản lý sức

khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) nhằm bảo vệ sản xuất, kiểm soát mức độ suy thoái đất, bảo vệ “sức khỏe” đất, sức khỏe con người, động vật và môi trường sinh thái. Tăng cường sử dụng sản phẩm nông nghiệp trong nước, phụ phẩm chế biến để sản xuất thức ăn chăn nuôi, thủy sản, phân bón hữu cơ... để giảm phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu. Nghiên cứu làm chủ các quy trình sản xuất thuốc, hóa chất, vaccine dùng trong nông nghiệp để chủ động nguồn cung, ứng phó kịp thời khi xảy ra dịch bệnh.

- Nâng cao trình độ cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến; thúc đẩy đầu tư cơ giới hóa đồng bộ theo chuỗi giá trị, tập trung vào các sản phẩm chủ lực. Khuyến khích khu vực tư nhân đầu tư công nghệ chế tạo máy nông nghiệp và công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; ưu tiên đối với các công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường và phù hợp đặc điểm từng ngành hàng. Hỗ trợ nông dân đầu tư, áp dụng các thiết bị cơ giới tiên tiến, nhà kính, nhà lưới, chuồng trại chăn nuôi hiện đại gắn với các quy trình sản xuất tiên tiến, công nghệ cao làm thay đổi tập quán canh tác, đạt hiệu quả cao, giảm tổn thất sau thu hoạch. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh dịch vụ cơ giới nông nghiệp.

- Khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ nông nghiệp để phục vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ, bảo đảm cung ứng kịp thời, chất lượng và hạ giá thành sản xuất nông nghiệp.

- Đổi mới các hình thức khuyến nông, phát triển hệ thống khuyến nông điện tử, hệ thống khuyến nông xanh. Đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp, thu hút nguồn lực thông qua hợp tác công tư về khuyến nông; cơ cấu lại tổ chức bộ máy, đổi mới hình thức hoạt động của tổ chức khuyến nông các cấp tinh gọn, hiệu quả...

- Củng cố hệ thống thú y, bảo vệ thực vật đảm bảo chủ động phòng chống dịch đối với những đối tượng dịch bệnh trên vật nuôi, cây trồng chính, nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo tăng trưởng ổn định. Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, chỉ đạo can thiệp và tư vấn phòng chống dịch bệnh (tổ chức kiểm dịch cửa khẩu, kiểm soát hàng hóa thông quan, kiểm soát thị trường thuốc, kiểm dịch nội địa, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh

e) Từng bước đồng bộ, hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, nhất là hệ thống thủy lợi.

Phát triển hệ thống hạ tầng phục vụ chuyển đổi nông nghiệp, kết nối không gian phát triển giữa các vùng, khu vực, địa phương để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị; vừa hạn chế đứt gãy chuỗi cung ứng, vừa hạn chế tổn thất trong nông nghiệp. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ cho trái cây, nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn. Phát triển cảng cá kết hợp với khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá. Tiếp tục xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai hiện đại, đồng bộ; bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn hồ đập; ứng dụng công nghệ tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước và tiêu, thoát nước.



Phát triển hệ thống hạ tầng giao thông, logistics và hạ tầng viễn thông; nâng cấp hạ tầng bảo quản, chế biến sau thu hoạch, nhất là các kho dự trữ, bảo quản, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm.

g) Đẩy mạnh hợp tác, liên kết chặt chẽ giữa các tác nhân, các vùng, địa phương tham gia phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững

- Hình thành chuỗi giá trị hoàn chỉnh cho các ngành hàng chủ lực quốc gia, phát triển các ngành hàng chiến lược cho các địa phương.

- Phát triển hợp tác, liên kết vùng, mở ra không gian kinh tế vùng với sự tham gia tích cực và vai trò năng động của doanh nghiệp trong dẫn dắt xu hướng phát triển, lan toả giá trị tích cực đến người dân và cộng đồng. Các địa phương tương đồng về điều kiện, đặc điểm, ngành hàng liên kết liên địa giới hành chính, trong không gian kết nối kinh tế mở như một thực thể kinh tế hoàn chỉnh.

- Chuyển mạnh từ “chuỗi liên kết cung ứng nông sản” sang “chuỗi liên kết giá trị ngành hàng”, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, trách nhiệm và bền vững gắn kết các tác nhân trong chuỗi nâng cao giá trị sản phẩm, tạo sự kết nối thông suốt giữa các khâu, chia sẻ trách nhiệm và giá trị sản phẩm.

- Tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có thương hiệu với các nông sản chủ lực; phát triển mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm quy mô nhỏ giữa các hộ nông dân; phát triển chuỗi giá trị khép kín của doanh nghiệp theo hướng bền vững. Xây dựng một số cụm ngành nông nghiệp gắn vùng sản xuất với chế biến, thương mại.

- Xây dựng các mô hình nông nghiệp sinh thái, thân thiện với môi trường. Ứng dụng các mô hình nông nghiệp tiên tiến, bền vững như nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp chính xác, nông nghiệp ứng dụng kinh tế tuần hoàn. Xây dựng nền nông nghiệp đa giá trị với việc không chỉ thực hiện các chức năng về cung cấp lương, thực phẩm, đầu vào cho các ngành chế biến mà còn thực hiện các chức năng bảo vệ môi trường, ổn định xã hội và bảo tồn văn hóa.

- Chuyển từ mục tiêu “hỗ trợ kinh tế hộ” sang mục tiêu “hỗ trợ kinh tế tập thể”, tập trung nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp và các hình thức hợp tác khác. Phát triển kinh tế trang trại, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, trước hết tập trung vào phát triển kinh tế hợp tác gắn với các chuỗi giá trị tại các vùng chuyên canh các mặt hàng chủ lực. Khuyến khích hình thành các tổ hợp tác, trang trại liên kết với doanh nghiệp sản xuất, sơ chế, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, coi đây là tiền đề phát triển sản xuất quy mô lớn và thay thế vai trò sản xuất nông hộ nhỏ lẻ. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, tham gia vào chuỗi liên kết giá trị và phát triển thị trường với vai trò là hạt nhân chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt.

h) Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp

- Phát triển các công cụ phục vụ chuyển đổi số (số hóa, tạo lập dữ liệu, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu...), tập trung vào đất đai nông nghiệp, cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở

dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh, mô hình về kỹ thuật mới, công nghệ mới trong sản xuất, chế biến, trong quản lý vùng chuyên canh, truy xuất nguồn gốc, mô hình kinh tế tuần hoàn sử dụng hiệu quả phụ phẩm nông nghiệp. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để cung ứng sản phẩm trực tiếp từ nơi cung ứng đến người bán lẻ nhằm giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch và đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ cao trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo dịch bệnh; quản lý vận tải, giao nhận, kho hàng, quản lý vùng nguyên liệu, các trung tâm vận tải, hệ thống phân phối, quản lý chuỗi cung ứng.

k) Phát triển, tổ chức lại thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ ổn định, kịp thời, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và chế biến nông sản

- Thị trường trong nước: Đây là thị trường rất quan trọng, quy mô ngày càng tăng, nhu cầu tiêu thụ người tiêu dùng trong nước ngày càng đa dạng với yêu cầu chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm ngày càng cao, nhất là đối với khu vực thành thị.

Hoàn thiện hệ thống phân phối nông sản trong nước, phát triển các kênh bán buôn, bán lẻ để phát triển mạnh thị trường nội địa, kết nối nông sản với mạng lưới tiêu thụ toàn cầu; tăng cường kiểm soát chất lượng, đảm bảo nông sản phục vụ thị trường trong nước đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn bảo đảm an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc như đối với nông sản xuất khẩu.

Tổ chức tốt hệ thống kết nối nhà sản xuất với nhà phân phối; xây dựng các chuỗi liên kết để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Chú trọng phát triển thương mại điện tử, các kênh phân phối, đa dạng hóa thị trường để kịp thời tiêu thụ nông sản; khuyến khích hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, người sản xuất triển khai phân phối hàng hóa trên nền tảng thương mại điện tử. Chú trọng phát triển hệ thống chợ, trung tâm thu gom nông sản ở vùng sản xuất và kết nối trực tiếp với hệ thống chợ đầu mối. Đối với khu vực thành thị, ưu tiên phát triển bán lẻ nông sản hiện đại (chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện lợi); phát triển các chợ đô thị theo hướng hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm.

Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tăng cường hoạt động kết nối cung - cầu tiêu thụ nông sản cho người dân. Xây dựng hệ thống thông tin, giám sát cung cầu các mặt hàng nông sản trong nước. Ứng dụng công nghệ hiện đại trong việc giám sát cung các nông sản chủ lực. Nâng cao trình độ trong việc nghiên cứu tiếp cận thị trường cho các doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ nông dân.

- Thị trường xuất khẩu: Khai thác có hiệu quả cơ hội của các Hiệp định tự do thương mại tự do, đàm phán mở cửa thị trường, giữ ổn định các thị trường truyền thống, tìm kiếm và mở rộng thị trường mới; hạn chế sự phụ thuộc vào một số ít thị trường. Giải quyết kịp thời những rào cản thương mại, kỹ thuật hỗ trợ tốt nhất cho nông sản xuất khẩu, đồng thời bảo vệ sản xuất trong nước. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại. Phát triển các trung tâm cung ứng nông sản hiện đại kết nối thị trường trong nước với quốc tế, trong đó tập trung phát triển mạnh các chợ đầu mối có đầy đủ các phân khu chức năng và kiểm soát an toàn thực phẩm đến hệ thống bán lẻ; xây dựng sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực quốc gia, xây dựng các trung tâm hậu cần biên mậu.

Nâng cao năng lực hệ thống thông tin, dự báo phát triển thị trường, cung cấp kịp thời cho các địa phương, doanh nghiệp và người dân điều chỉnh sản xuất phù hợp; tổ chức tốt các hoạt động kết nối cung cầu, kết nối giữa thị trường trong nước với quốc tế. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, hoạt động hội chợ, triển lãm, giới thiệu sản phẩm và xây dựng thương hiệu nông sản Việt Nam chất lượng cao, an toàn thực phẩm và thân thiện với môi trường, có uy tín, vị thế và năng lực cạnh tranh; hỗ trợ xây dựng chỉ dẫn địa lý, thiết lập mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, bảo hộ sở hữu trí tuệ, bảo hộ bản quyền thương hiệu tại các thị trường xuất khẩu, nhất là đối với các nông sản chủ lực như gạo, cà phê, hồ tiêu, hạt điều, trái cây, sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP)...

Nâng cao năng lực và phát triển các cơ quan tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp về các vấn đề pháp lý giải quyết tranh chấp thương mại, giảm thiểu rủi ro trong hội nhập quốc tế. Thúc đẩy vai trò hiệp hội trong việc xúc tiến thương mại, đàm phán quốc tế, bảo vệ thành viên...

1) Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm phát thải nhà kính, bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên; nghiên cứu, tăng cường sử dụng các phương án, biện pháp phi công trình cùng với phương án, biện pháp công trình để *ứng phó với biến đổi khí hậu* trên quan điểm *vừa là thách thức, vừa là cơ hội để thích ứng, đổi mới và phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo hướng “thuận thiên”*.

Chuyển đổi sản xuất nông nghiệp ứng phó chủ động với biến đổi khí hậu và nâng cao hiệu quả sản xuất và thu nhập cho người nông dân. Tăng cường nghiên cứu và sử dụng các giống vật nuôi, cây trồng mới thích ứng được với điều kiện biến đổi khí hậu. Khuyến khích các giải pháp tiết kiệm nước. Khôi phục rừng ngập mặn, có các giải pháp chắn sóng tại ven biển.

Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo, xác định rủi ro, các giải pháp đồng bộ để chủ động bảo vệ sản xuất trước các nguy cơ về dịch bệnh, thiên tai, ô nhiễm... Nâng cao năng lực phục hồi của hệ thống sản xuất, giảm nhẹ rủi ro, hài hòa các lợi ích xã hội, kinh tế và môi trường, gắn với tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Tăng cường áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính thông qua quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu vào trong sản xuất nông nghiệp, thu

gom, xử lý và tái sử dụng các phế phụ phẩm nông nghiệp, chất thải từ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chất thải chế biến nông sản và làng nghề; khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn môi trường kèm cơ chế giám sát chặt chẽ để thúc đẩy phát triển chuỗi cung ứng nông nghiệp xanh, các bon thấp.

## **2. Phát triển nông thôn**

a) Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng đảm bảo việc làm và tăng thu nhập, giảm nghèo cho dân cư nông thôn

- Cùng với phát triển nông nghiệp, chú trọng phát triển kinh tế nông thôn theo hướng phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ nông thôn để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn; lấy các tác nhân kinh tế nông thôn (kinh tế tập thể, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo...) làm nền tảng, động lực cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Khuyến khích các doanh nghiệp công nghiệp, dịch vụ đầu tư vào nông thôn, nhất là các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động; tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn thông qua cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, cơ sở hạ tầng nông thôn, tạo quỹ đất sạch và có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thông qua ưu đãi tín dụng, thuế...

- Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống, tạo việc làm và tăng thu nhập cho người dân nông thôn từ các ngành nghề phi nông nghiệp. Phát triển sản phẩm địa phương, sản phẩm vùng miền nhằm khai thác lợi thế địa phương, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn. Thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), hình thành các sản phẩm OCOP đa giá trị gắn với lợi thế vùng, miền và quốc gia.

- Phát triển kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn góp phần phục vụ tốt hơn nhu cầu dân cư nông thôn, tạo việc làm. Định hướng thu hút phát triển các dịch vụ vui chơi, giải trí, dịch vụ mới tại nông thôn, đào tạo lao động nông thôn theo hướng phục vụ nhu cầu các ngành dịch vụ. Thúc đẩy du lịch nông thôn, khai thác lợi thế tiềm năng cảnh quan, môi trường sinh thái, đa dạng văn hóa truyền thống các vùng miền trong cả nước. Hoàn thiện khung thể chế, xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí về du lịch nông thôn, hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các khu du lịch, gắn kết các tour du lịch về làng nghề truyền thống để vừa quảng bá sản phẩm nông nghiệp, vừa giới thiệu văn hóa Việt ra thế giới.

- Tổ chức lại thị trường cho lao động nông thôn theo hướng chính thức hóa việc làm cho lao động nông thôn tại khu vực thành thị, đảm bảo việc làm ổn định, ký kết hợp đồng, có bảo hiểm đầy đủ. Xây dựng các trung tâm giới thiệu việc làm, tổ chức đưa lao động nông nghiệp sang làm việc tại các nước phát triển để học kinh nghiệm về phát triển địa phương.

b) Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại, kết nối với đô thị, bảo tồn giữ gìn văn hóa bản địa

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới; tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và nông thôn mới thông minh ở các cấp. Xây dựng môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống. Thúc đẩy chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, góp phần *thu hẹp khoảng cách về mức độ thụ hưởng dịch vụ* xã hội cơ bản (y tế, giáo dục, văn hóa...) của người dân nông thôn với thành thị.

- Nâng cấp và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông thôn đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị. Tập trung xây dựng, hoàn thiện, bảo trì hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng công nghệ thông tin, thương mại nhằm tạo sức bật cho các địa phương khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế; khuyến khích đầu tư xây dựng các công trình cấp nước sạch tập trung theo hình thức xã hội hóa... Khuyến khích tối đa đầu tư tư nhân, đầu tư theo hình thức hợp tác công tư gắn với nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng vốn đầu tư công.

- Hình thành và đa dạng hóa phương thức hoạt động của các tổ chức phát triển cộng đồng tại nông thôn để chủ động phát huy nội lực và tinh thần sáng tạo của nông dân và cư dân nông thôn trong các hoạt động phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và tăng hiệu quả quản lý xã hội. Nâng cao chất lượng các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh”, “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Chú trọng nâng cao hơn chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao; bảo tồn và phát huy sự đa dạng các giá trị văn hóa để nhân rộng các mô hình du lịch nông thôn. Nâng cao nhận thức về bình đẳng giới ở nông thôn. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và công nghệ số nhằm xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, hiệu quả ở khu vực nông thôn.

c) Nâng cao chất lượng cuộc sống, đảm bảo an sinh cho người dân nông thôn

- Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội cho khu vực nông thôn. Nâng cao hiệu quả của y tế cộng đồng cấp xã và cấp huyện đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nông thôn, đầu tư cơ sở hạ tầng, chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp.

- Thực hiện có hiệu quả hơn các chính sách giảm nghèo, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, nhất là tại các huyện nghèo nhất và các vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội tới tất cả đối tượng cư dân ở nông thôn, nhất là các đối tượng dễ bị tổn thương. Xây dựng các mô hình đảm bảo an sinh phù hợp với người dân nông thôn.

- Hoàn thiện hệ thống an sinh, giảm thiểu rủi ro cho người dân nông thôn, nhất là vùng dễ bị tổn thương. Phấn đấu chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tổn thất về người và tài sản của nhà nước, nhân dân góp phần bảo đảm an ninh, quốc phòng và xây dựng một xã hội an toàn hơn trước thiên tai. Xây dựng chương trình đào tạo lại nghề, bố trí việc làm cho lao động công nghiệp trở lại nông thôn.

d) Bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan môi trường; xây dựng cộng đồng nông thôn vững mạnh

- Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bình an, giàu bản sắc văn hóa truyền thống. Phát triển cảnh quan nông thôn bền vững gắn với phát triển làng thông minh. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tạo thuận lợi cho phát triển mô hình cộng đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ môi trường nông thôn, đẩy mạnh xử lý chất thải tại nguồn; thu hút doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý rác tập trung quy mô liên liên tỉnh, huyện; phát triển các mô hình hiệu quả xử lý nước thải quy mô hộ, thôn. Đẩy mạnh xử lý môi trường ở những nơi ô nhiễm nghiêm trọng (làng nghề, bãi tập trung chôn lấp, xử lý rác, nước thải...); phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn trong xử lý chất thải, nước thải, rác thải.

- Củng cố sức mạnh và tính gắn kết của cộng đồng nông thôn, xây dựng tổ chức cộng đồng nông thôn mạnh để chủ động phát huy nội lực và tinh thần sáng tạo trong các hoạt động đời sống, phát triển kinh tế, tăng hiệu quả quản lý xã hội và tài nguyên thiên nhiên. Mở rộng và chính thức hóa các tổ chức phát triển thôn, bản làm nòng cốt cho xây dựng nông thôn mới, phân cấp và hình thành cơ chế quản lý dân chủ trong xây dựng công trình ở cấp thôn bản.

- Trao quyền và phát huy vai trò của cộng đồng và người dân trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống địa phương, xây dựng cộng đồng cùng nhau khai thác văn hóa truyền thống để phát triển du lịch nông thôn. Phát triển đội ngũ cán bộ công tác phát triển cộng đồng, phát triển nông thôn ở tất cả các cấp, đặc biệt ở cấp cơ sở. Xây dựng trung tâm đào tạo cộng đồng và phát triển nông thôn tại các địa phương, phối hợp với một số trường đại học hình thành chương trình đào tạo cán bộ phát triển nông thôn một cách chính quy tại từng vùng kinh tế xã hội trên cả nước.

e) Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả xây dựng nông thôn mới, gắn với phát triển nông nghiệp và công nghiệp

Định hướng chương trình xây dựng nông thôn mới gắn chặt với quá trình cơ cấu lại nông nghiệp và phát triển công nghiệp trong nông thôn phù hợp với lợi thế vùng miền và phát huy tính đa dạng của địa phương. Xây dựng nông thôn mới theo 3 vùng:

- Vùng 1, với các xã khu vực ven đô, kinh tế phi nông nghiệp chiếm đa số, dịch vụ, thương mại và có cơ sở hạ tầng tốt thì hướng tới đô thị hóa. Tập trung

hoàn thiện cơ sở hạ tầng ngang với đô thị, phát triển chất lượng dịch vụ ngang bằng với khu vực thành thị.

- Vùng 2, với những xã thuộc các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn thì hướng tới liên kết, hình thành các vùng chuyên canh. Tập trung phát triển hạ tầng vùng chuyên canh, xây dựng cụm ngành liên kết giữa sản xuất - chế biến - dịch vụ; hỗ trợ kết nối hạ tầng giữa các vùng chuyên canh với các thị trường lớn, khu trung chuyển, dịch vụ hậu cần lớn...

- Vùng 3, với các xã nông thôn truyền thống thì tập trung phát triển sản phẩm đặc sản địa phương, làng nghề, hoạt động du lịch gắn với văn hóa bản địa. Bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương, phát triển các sản phẩm đặc sản địa phương, hỗ trợ nâng cao chất lượng sản phẩm địa phương, kết nối với thị trường trong nước và quốc tế; phát triển du lịch nông thôn. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, nhất là đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số.

#### **IV. CÁC GIẢI PHÁP**

##### **1. Thực hiện đột phá chiến lược về hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách để phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững**

Nâng cao chất lượng xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo sự đồng bộ, tính khả thi, nhất là chính sách về đất đai, tín dụng, đầu tư, bảo hiểm. Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách được ban hành, thu hút nguồn lực đầu tư; tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát thực hiện để quản lý, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nông thôn hiện đại, nông nghiệp thông minh, sinh thái, giá trị gia tăng cao.

- *Chính sách đất đai*: Hoàn thiện chính sách đất đai theo hướng thúc đẩy tập trung tích tụ đất đai trên cơ sở hình thành thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp, bảo vệ quyền lợi của nông dân. Tạo điều kiện cho nông dân sử dụng linh hoạt đất nông nghiệp, bao gồm cả đất trồng lúa để đạt thu nhập cao hơn. Coi quyền sử dụng đất nông nghiệp như quyền tài sản để người dân dễ dàng chuyển nhượng, cho thuê, góp vốn, thế chấp trong một thị trường giao dịch thống nhất như các loại hàng hóa khác. Hình thành thị trường giao dịch quyền sử dụng đất với điều kiện vận hành thuận lợi nhất, chi phí giao dịch thấp nhất.

Sửa đổi, bổ sung các quy định liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo hướng công khai minh bạch trong xây dựng và triển khai quy hoạch đất đai, trong đó có đất nông nghiệp; xây dựng, công khai hệ thống cơ sở dữ liệu cập nhật về thông tin quy hoạch của từng thửa đất; quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung cho nông sản chủ lực; rà soát lại quy hoạch 3 loại rừng phù hợp với điều kiện thực tế.

Sửa đổi chính sách, cơ chế về kinh tế, tài chính; nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình tập trung tích tụ ruộng đất để đẩy mạnh đầu tư sản xuất kinh doanh và hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn. Mở rộng đối tượng tài sản trên đất được ghi vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Giảm thuế, phí liên quan đến chuyển nhượng đất nông nghiệp để tăng cường chính thức hóa

giao dịch đất nông nghiệp. Nói lỏng quy định về đối tượng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp, cho phép các tổ chức, cá nhân có đủ tiềm lực về vốn, công nghệ được nhận quyền chuyển nhượng đất nông nghiệp đầu tư vào sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo quy hoạch đã được phê duyệt. Bổ sung thêm loại “đất phục vụ” để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trong phân loại đất nông nghiệp. Xây dựng chính sách hỗ trợ các cá nhân đăng ký làm trang trại, gia trại tích tụ đất nông nghiệp (thủ tục địa chính, hạ tầng, kinh phí san sửa ruộng đồng, tín dụng dài hạn, lãi suất thấp để mua hoặc thuê đất nông nghiệp của các hộ nông dân khác). Hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê hoặc nhận vốn góp bằng đất nông nghiệp của các hộ nông dân.

Xây dựng và phát triển Trung tâm phát triển Quỹ đất là nền tảng để xây dựng thị trường đất nông nghiệp và phát huy quyền tài sản đối với đất nông nghiệp, giúp hỗ trợ giao dịch đất nông nghiệp, thực hiện chức năng cung cấp thông tin, thiết kế hợp đồng, hỗ trợ pháp lý và giải quyết tranh chấp trong quá trình giao dịch đất đai giữa các cá nhân và tổ chức kinh tế, đây là nền tảng để xây dựng thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp và phát huy quyền tài sản đối với đất nông nghiệp. Xây dựng cơ chế hỗ trợ tín dụng dài hạn cho trang trại, hợp tác xã mua, thuê đất nông nghiệp. Hỗ trợ rút lao động ra khỏi nông nghiệp để tạo quỹ đất.

- *Chính sách tài chính, tín dụng, đầu tư:* Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách đủ mạnh ưu đãi, hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh theo chuỗi, phát triển nông nghiệp tuần hoàn, hữu cơ, sinh thái. Phát triển thị trường tài chính, tín dụng vi mô, các sản phẩm dịch vụ tài chính mới, củng cố và mở rộng hệ thống quỹ tín dụng nhân dân đảm bảo an toàn, hiệu quả. Phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp phục vụ các nhóm dân cư chưa hoặc ít được tiếp cận với dịch vụ ngân hàng truyền thống ở vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để phát triển bền vững hệ thống Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Thực hiện cơ chế tín dụng cho vay theo chuỗi giá trị nông nghiệp phù hợp quy mô thị trường, mở rộng chủ thể tham gia chuỗi, gắn với nhu cầu sản phẩm tài chính và các dịch vụ đi kèm khác đối với doanh nghiệp nông, lâm, ngư nghiệp; ưu tiên doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao, số hóa, bảo quản chế biến, dịch vụ logistics, hạ tầng thương mại.

Xây dựng các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận các nguồn tín dụng. Cho phép mở rộng các loại tài sản được thế chấp vay vốn, điều chỉnh cơ chế định giá sát với giá thực tế cho các tài sản hữu hình hình thành trên đất phục vụ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (trang trại, nhà kính, nhà màng, hệ thống tưới,...) và các tài sản vô hình (trong đó có các sáng chế khoa học công nghệ đã được công nhận) làm tài sản đảm bảo vay vốn ngân hàng.

Mở rộng hệ thống và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp yên tâm đầu tư, ứng phó với rủi ro thiên



tai, dịch bệnh; thực hiện cơ chế, chính sách kết hợp chặt chẽ giữa các chương trình, dự án cho vay tín dụng và bảo hiểm theo chuỗi giá trị nông nghiệp. Rà soát điều chỉnh chính sách thuế theo hướng ưu đãi hơn cho các doanh nghiệp đầu tư nông nghiệp, nông thôn tạo nhiều việc làm cho cư dân nông thôn và tăng nguồn thu ngân sách cho cấp xã, cấp huyện.

Tăng đầu tư cho nông nghiệp với tốc độ tăng đầu tư công cho nông nghiệp ít nhất 7%/năm, đảm bảo đến năm 2030 đầu tư công cho nông nghiệp gấp đôi mức của năm 2020, góp phần thu hẹp khoảng cách giữa nhu cầu vốn và phân bổ vốn đầu tư công cho nông nghiệp. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư, tăng tỷ lệ đầu tư cho khoa học công nghệ, hạ tầng thương mại. Ưu tiên đầu tư công trong việc bảo đảm liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp bền vững, hiện đại với sản xuất hàng hóa lớn, hội nhập quốc tế, thích ứng biến đổi khí hậu. Xây dựng, thực thi cơ chế lồng ghép các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng địa bàn. Đổi mới cơ chế, đơn giản thủ tục, tạo điều kiện khuyến khích thu hút viện trợ quốc tế, đầu tư nước ngoài; phát triển doanh nghiệp xã hội đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn nhất là các vùng sâu, xa, khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*- Chính sách thương mại:*

Đổi mới cơ chế, chính sách xúc tiến thương mại, thích ứng nhanh với các biến động thị trường, phát triển thị trường trong nước, đồng thời thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu nông sản.... Thực hiện cơ chế điều hành xuất khẩu linh hoạt nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và hiệu quả xuất khẩu, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia sâu chuỗi giá trị toàn cầu.

Hoàn thiện chính sách thúc đẩy hình thành chuỗi liên kết tiêu thụ nông sản trong nước, ưu tiên phát triển các chuỗi liên kết từ vùng sản xuất kết nối đưa nông sản vào tiêu thụ tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại đáp ứng yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

**2. Phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp hiệu quả, phát triển nông thôn bền vững**

- Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, gắn với giải quyết việc làm và phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Triển khai thực hiện Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021 - 2030.

- Có cơ chế hỗ trợ các cơ sở giáo dục đào tạo, người tham gia đào tạo, người học (trước và sau khi được đào tạo) ngành nghề nông nghiệp để hình thành, duy trì, phát triển đội ngũ “nông dân thông minh, chuyên nghiệp”, “công nhân nông dân” cho phát triển nông nghiệp bền vững, hiện đại.

- Hiện đại hóa và đổi mới phương thức quản lý, đào tạo phù hợp với xu hướng phát triển và định hướng của ngành. Tăng cường ứng dụng công nghệ

thông tin trong quản lý và giảng dạy, nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực. Mở thêm các ngành nghề phục vụ phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp thông minh, chế biến thực phẩm, cơ khí, quản lý trang trại, du lịch nông nghiệp, nông thôn...; hình thành đội ngũ lao động lành nghề, thúc đẩy tích cực của lao động nông nghiệp, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành.

### **3. Xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ nền nông nghiệp tích hợp đa giá trị và phát triển nông thôn hiện đại, bền vững; đổi mới cơ cấu đầu tư công, thu hút các nguồn lực để phát triển nông nghiệp, nông thôn**

Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng, xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu (điện, đường, trường, trạm, viễn thông) cho những vùng sâu vùng xa, những xã khó khăn. Ưu tiên phát triển đường, điện cho vùng sản xuất tập trung, kết nối vùng sản xuất với thị trường.

Đầu tư và phát triển hệ thống thủy lợi đa mục tiêu: củng cố hệ thống thủy lợi cấp nước chủ động cho cây lúa, phát triển thủy lợi phục vụ thủy sản và trái cây, đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng, tu bổ đảm bảo an toàn các hồ chứa, đập, nâng cấp các hệ thống kênh mương đảm bảo đảm bảo đảm bảo tưới tiêu chủ động, áp dụng các kỹ thuật tưới tiết kiệm, giảm phát thải khí nhà kính. Quy hoạch hệ thống thủy lợi cụ thể từng vùng, tiểu vùng để tạo điều kiện phát triển đa mục tiêu, đa dạng hoá cây trồng nông nghiệp. Thiết kế hệ thống công trình thủy lợi không chỉ phục vụ sản xuất mà còn đảm nhiệm trọng trách khác là tiêu thoát nước và phòng chống thiên tai, cải tạo môi trường sinh thái.

Xây dựng, nâng cấp khu neo đậu tàu, thuyền trú bão, gắn với dịch vụ hậu cần thông tin nghề cá. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc cảnh báo thiên tai đến người dân trên cả nước và tàu thuyền hoạt động trên biển. Đầu tư cơ sở hạ tầng cho các vùng nuôi, sản xuất giống thủy hải sản tập trung, vùng sản xuất giống nuôi biển; trung tâm giống thủy sản cấp quốc gia, cấp vùng; hoạt động khảo nghiệm kiểm nghiệm, kiểm định nuôi trồng thủy sản.

Đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng lâm nghiệp để bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, đồng thời tạo tiền đề thu hút và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia phát triển rừng; ưu tiên phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, ven biển nhằm phòng, chống, giảm nhẹ tác động tiêu cực của thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Phát triển hệ thống đường lâm nghiệp gắn kết vùng nguyên liệu quy mô, tập trung với nhà máy chế biến; giảm chi phí vận chuyển, tăng giá trị sản phẩm gỗ.

Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị đảm bảo năng lực cảnh báo, dự báo, khả năng chống chịu trước thiên tai. Nâng cấp trang thiết bị, công nghệ theo dõi, phân tích, dự báo, cảnh báo thiên tai, ứng dụng công nghệ dự báo tiên tiến, ưu tiên công nghệ dự báo mưa định lượng, cảnh báo lũ quét, sạt lở đất. Đầu tư củng cố, nâng cấp các công trình phòng chống thiên tai nhất là hệ thống đê điều, cống, đập ngăn lũ, ngăn mặn và triều cường. Xây dựng, củng cố hệ thống công trình phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển tại các khu vực xung yếu, kết hợp với

ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, ứng phó thiên tai để phục vụ sản xuất, dân sinh và các hoạt động kinh tế khác.

Đầu tư và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng số phục vụ cho ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp, nông thôn, nâng cấp hạ tầng cung ứng mạng internet đảm bảo khả năng tiếp cận và tốc độ truyền tin cho cả khu vực thành thị và nông thôn, nhất là vùng sâu vùng xa. Phát triển nền tảng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử. Xây dựng phương án tổng thể về phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý; chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) đồng bộ, kết nối và liên thông hoàn thiện hệ thống hạ tầng cho sản xuất.

#### **4. Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của ngành, sản phẩm**

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ thông tin trong toàn bộ các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên, lao động, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh và phát triển bền vững của ngành. Triển khai thực hiện Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

Huy động nguồn lực tăng cường đầu tư nâng cấp các thiết bị nghiên cứu công nghệ cao, các phòng thí nghiệm trọng điểm. Có cơ chế, chính sách đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh nông nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường. Thúc đẩy các mô hình liên kết đa tác nhân, đa lĩnh vực giữa các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân nhằm nâng cao năng lực và kiến thức, kinh nghiệm quản lý vận hành hiệu quả các mô hình.

Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác; khuyến khích doanh nghiệp và người sản xuất ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới (tự động hóa, số hóa, công nghệ sinh học, IoT, AI, dữ liệu lớn) trong lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu, kết nối sản xuất - tiêu dùng, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

Hoàn thiện hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn quốc gia phục vụ quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, quản lý đầu tư xây dựng chuyên ngành; hài hòa hoá tiêu chuẩn khu vực, quốc tế để thúc đẩy mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

Hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động của thị trường khoa học công nghệ trong việc đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ, theo hướng đẩy mạnh thực

thi pháp luật về sở hữu trí tuệ đảm bảo phù hợp với thực tiễn sản xuất và hài hoà hoá với các quy định của quốc tế; xây dựng Chương trình quốc gia về sở hữu trí tuệ; thiết lập các định chế pháp lý liên quan đến sở hữu trí tuệ.

Đổi mới cơ chế quản lý, chuyển giao khoa học công nghệ và khuyến nông, khuyến khích tối đa các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ phù hợp với cơ chế thị trường; xã hội hóa hoạt động khoa học, công nghệ; phát triển thị trường khoa học công nghệ trong nông nghiệp. Thực hiện giao khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học công nghệ; thực hiện phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp.

Tăng cường phối hợp giữa khuyến nông nhà nước với khuyến nông của doanh nghiệp; khuyến nông theo chuỗi ngành hàng, khuyến nông số, huấn luyện nông dân tiếp thu kiến thức làm nông và kinh doanh nông lâm thủy sản; phân cấp hoạt động khuyến nông cho các tổ chức nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Phối hợp chặt chẽ công tác đào tạo, nghiên cứu và khuyến nông. Chú trọng nâng cao trình độ cán bộ kỹ thuật, cán bộ khuyến nông đáp ứng nhu cầu công nghệ mới.

## **5. Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, hoàn thiện quan hệ sản xuất phù hợp**

Tổ chức đánh giá, phát triển, nhân rộng các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; ưu tiên hình thành và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã có hợp tác, liên kết sản xuất, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ quản trị tiên tiến ở những vùng sản xuất tập trung.

Hình thành hệ thống các doanh nghiệp đầu tư vào các ngành hàng chiến lược, liên kết với nông dân thông qua kinh tế hợp tác. Hình thành hệ sinh thái ngành hàng, trong đó doanh nghiệp đầu tàu đảm bảo vai trò hạt nhân (đầu vào, chế biến, thương mại) dẫn dắt liên kết với các tác nhân trong chuỗi giá trị. Khuyến khích đầu tư của doanh nghiệp nông nghiệp ra nước ngoài, ưu tiên các ngành đưa lao động Việt Nam ra, phát triển ở các thị trường có giá trị cao, áp dụng công nghệ tiên tiến, đem lại thu nhập và giá trị đa dạng cho Việt Nam.

Ưu tiên phát triển hợp tác xã gắn với chuỗi giá trị và sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực địa phương. Khuyến khích hợp tác xã sản xuất áp dụng các tiêu chuẩn an toàn, xây dựng các dịch vụ phục vụ liên kết như cung cấp vật tư đầu vào, các dịch vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản. Xây dựng các Liên hiệp hợp tác xã bao gồm các hợp tác xã có cùng nhóm sản phẩm hoặc cùng tham gia một chuỗi giá trị nhằm tăng quy mô sản xuất, hỗ trợ nâng cao hiệu quả sản xuất. Phát huy vai trò của các Hiệp hội trong công tác tìm kiếm, nghiên cứu và mở rộng thị trường, đồng thời hỗ trợ các cơ quan chức năng trong đàm phán và mở cửa thị trường cho nông sản xuất khẩu. Nghiên cứu xây dựng phát triển các Ban điều phối ngành hàng trong đó có sự tham gia của các tác nhân khác nhau như đại diện hộ sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp, Nhà nước.

Khuyến khích chuyên nghiệp hóa, tăng quy mô sản xuất, phát triển hộ nhỏ thành gia trại, trang trại. Hỗ trợ kinh tế hộ, kinh tế trang trại sản xuất kinh doanh

hàng hóa, phát triển ngành nghề, công nghiệp, dịch vụ. Xây dựng, thực hiện chính sách hỗ trợ nông dân sản xuất giỏi, quy mô lớn tiếp cận thị trường, nguồn vốn, mua sắm máy móc, tích tụ đất đai, áp dụng công nghệ, liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã theo các chuỗi giá trị.

Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và các công ty nông, lâm nghiệp. Tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Xây dựng và phát triển vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp; thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Khuyến khích doanh nghiệp liên kết hình thành các vùng, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, với các nhóm sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao; ưu tiên hình thành các doanh nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, quản trị tiên tiến, đủ sức tổ chức liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân; thu hút đầu tư tại các địa bàn khó khăn, nhất là vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

## **6. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành nông nghiệp, nông thôn**

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước của ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành. Sắp xếp kiện toàn, tăng cường năng lực tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của Bộ, ngành và hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thiện phương thức vận hành hệ thống tổ chức bộ máy của Bộ, ngành; đổi mới tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và thực hiện tinh giản biên chế; có cơ chế chính sách cụ thể để phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành nông nghiệp; đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập.

Thực hiện hiệu quả cải cách chế độ công vụ, công chức. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp. Thực hiện đổi mới công tác tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ, trách nhiệm của người đứng đầu; phân công đúng người, đúng việc, tạo môi trường công tác tốt để phát huy năng lực, sở trường cán bộ, công chức. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính.

Thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; tập trung cải cách thể chế, thủ tục hành chính; xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số. Tăng cường phân cấp cho địa phương; đẩy mạnh chuyển giao một số dịch vụ công sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện. Nhà nước dành nguồn nhân lực, vật lực tập trung cho những nhiệm vụ trọng yếu trong quản lý, đồng thời phát hiện những vướng mắc cần tháo gỡ, những phát kiến tạo ra giá trị mới cho phát triển nông nghiệp, nông thôn. Tập trung củng cố

và tăng cường năng lực các cơ quan quản lý trong xây dựng chính sách, chiến lược, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật,...

## **7. Hợp tác quốc tế**

Nâng cao năng lực, hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế về nông nghiệp và nông thôn, đàm phán mở cửa thị trường. Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch tăng cường và mở rộng hợp tác với các quốc gia, các tổ chức quốc tế để tranh thủ, thu hút nguồn vốn, phát triển thị trường, khoa học công nghệ và đầu tư ra nước ngoài phục vụ cho các mục tiêu phát triển của ngành. Nâng cao hiệu quả huy động các nguồn ODA, các nguồn đầu tư xã hội, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút đầu tư có lựa chọn, bảo đảm hài hòa cả lợi ích kinh tế - xã hội và môi trường.

Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế song phương, đa phương đã ký kết có liên quan đến vấn đề nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ và giám sát thực hiện các điều ước và thỏa thuận quốc tế có hiệu quả, nhất là trong khuôn khổ Cộng đồng ASEAN và các FTAs.

Triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu, hài hòa hóa quy định trong nước với quốc tế. Xây dựng hệ thống phòng vệ thương mại, Hệ thống cảnh báo sớm nhằm khai thác hiệu quả lợi ích và hạn chế đến mức thấp nhất tác động tiêu cực từ việc hội nhập kinh tế quốc tế; xây dựng và từng bước hoàn thiện cơ sở dữ liệu thống kê về xuất nhập khẩu của Việt Nam với các đối tác thương mại lớn theo từng giai đoạn.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại nông sản quốc gia trong dài hạn tập trung vào các sản phẩm chủ lực, các sản phẩm mới, các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP... sang các thị trường trọng điểm, thị trường truyền thống và các thị trường tiềm năng. Thường xuyên tổ chức các diễn đàn thương mại và xúc tiến đầu tư giữa Việt Nam và các nước, định kỳ tổ chức tại các thị trường trọng điểm để giới thiệu quảng bá thông tin, sản phẩm nông lâm thủy sản nông nghiệp của Việt Nam với các doanh nghiệp của các nước.

Sử dụng hiệu quả các nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, gắn kết với các ưu tiên chính sách trong từng thời điểm của ngành nông nghiệp. Huy động các nguồn lực tài chính quốc tế thông qua các diễn đàn khu vực, vùng và toàn cầu về biến đổi khí hậu, các cơ chế hợp tác song phương, đa phương cho việc thực hiện các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

## **8. Giám sát và đánh giá**

Giám sát thực hiện Chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu lực thực hiện Chiến lược; làm căn cứ hoạch định chính sách, điều chỉnh kế hoạch và có giải pháp khắc phục kịp thời. Giám sát các chương trình, đề án, dự án thực hiện Chiến lược đảm bảo hiệu quả, thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất. Rà soát, điều chỉnh Chiến lược phù hợp với từng giai đoạn,

điều kiện thực tiễn. Việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược được thực hiện đảm bảo nguyên tắc độc lập, khách quan.

Xây dựng, triển khai hệ thống lập kế hoạch và giám sát ngành nông nghiệp, nông thôn trên cơ sở ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu kịp thời, chính xác, đồng bộ phục vụ công tác quản lý, quy hoạch và phát triển sản xuất, kinh doanh lĩnh vực nông nghiệp.

## **VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN TRỌNG TÂM, ƯU TIÊN**

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

## **V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN**

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Chiến lược.

1. Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và kinh phí sự nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 để thực hiện Chiến lược.

2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030.

3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

4. Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức triển khai Chiến lược; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ và hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện; thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện hàng năm và theo yêu cầu; tổ chức sơ kết tình hình thực hiện Chiến lược vào năm 2025 và tổng kết tình hình thực hiện Chiến lược vào năm 2030.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, cân đối, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ưu tiên bổ sung vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 - 2030 và trong kế hoạch 5 năm cho ngành nông nghiệp, nông thôn để thực hiện Chiến lược. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và các địa phương triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư, đầu tư theo hình thức đối tác công tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác.

3. Bộ Tài chính chủ trì rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách thuế, phí, bảo hiểm; đơn giản hóa thủ tục hành chính về thuế theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp và thu hút đầu tư của các thành phần

kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và tổ chức triển khai hệ thống bảo hiểm theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

Cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của hệ thống quản lý ngành nông nghiệp, nông thôn để thực hiện Chiến lược, phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**4.** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng đơn giản hóa thủ tục, cân đối nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn và tạo điều kiện tiếp cận tín dụng ưu đãi để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, cơ giới hóa, phát triển nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn.

**5.** Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan và địa phương triển khai thực hiện chính sách thương mại hàng nông sản; kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại, tạm nhập tái xuất hàng nông sản. Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách và hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản trong nước; hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp tham gia chuỗi cung ứng thương mại điện tử.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan, các địa phương xây dựng chính sách ưu tiên thúc đẩy phát triển cụm công nghiệp - dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa ở nông thôn. Xây dựng và đẩy mạnh triển khai các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ nông nghiệp.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, triển khai thực hiện Đề án phát triển logistics gắn với vùng sản xuất, kinh doanh nông nghiệp.

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát hàng rào kỹ thuật và thương mại đối với nông sản xuất khẩu; điều hành xuất nhập khẩu linh hoạt và hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn và thông lệ quốc tế; chỉ đạo các cơ quan thương vụ ở nước ngoài nắm bắt nhanh, chính xác chính sách thương mại của các quốc gia; hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường tiêu thụ nông sản ở nước ngoài.

**6.** Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai hiệu quả các Chương trình: Sản phẩm quốc gia, phát triển khoa học công nghệ cao, đổi mới công nghệ quốc gia và các chương trình khoa học công nghệ khác hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là công nghệ cao; xây dựng cơ chế thúc đẩy xã hội hóa nguồn lực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn triển khai áp dụng công cụ quản lý, quy trình quản lý hiện đại;



hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

Chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định về chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất, chế biến nông sản đầu tư áp dụng, chuyển đổi công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường.

**7.** Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu Chính phủ xây dựng và phát triển Trung tâm phát triển Quỹ đất nông nghiệp; cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn.

**8.** Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, tham mưu Chính phủ ban hành các cơ chế chính sách hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp để tối ưu hóa quá trình sản xuất, quản trị, chế biến, liên kết tiêu thụ nông sản; trong xây dựng nông thôn mới, xây dựng làng thông minh, “Mỗi xã một sản phẩm” - OCOP... hướng đến nông nghiệp chính xác, nông thôn thông minh. Phối hợp triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng thông tin truyền thông, hạ tầng số nhằm phát triển Chính phủ điện tử trong Bộ, ngành nông nghiệp, nông thôn.

**9.** Các Bộ Lao Động - Thương binh và Xã hội, Giáo dục và Đào tạo rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã...). Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

**10.** Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trợ phát triển, quảng bá, xúc tiến các sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới và sản phẩm của Chương trình OCOP; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

**11.** Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ các mục tiêu, định hướng và giải pháp của Chiến lược, xây dựng Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phù hợp với thực tiễn.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách Trung ương đã ban hành, đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển nông nghiệp, nông thôn. Bố trí

ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Triển khai các giải pháp tăng cường liên kết vùng, hướng tới phát triển các cụm liên kết sản xuất - bảo quản, chế biến - tiêu thụ nông sản gắn với các vùng nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ, kết nối với cơ sở chế biến nông sản và hệ thống logistic, kênh phân phối, tiêu thụ nông sản.

**12.** Các Hội, Hiệp hội ngành hàng, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Bộ, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để thực hiện các định hướng của Chiến lược. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân là thành viên tham gia đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Thành viên BCD liên ngành về TCC ngành NN;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Ủy ban Trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Văn phòng thường trực TCC ngành Nông nghiệp (Bộ NN&PTNT);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KGVX, TH, CN, QHĐP;
- Lưu: VT, NN (3b).

**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**